

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2020/HSST**
Ngày : 05/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huỳnh Hoàng Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Tiệp;

2/ Bà Lê Thị Sao;

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Tường Vi là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Linh Là Kiểm sát viên;

Hôm nay, ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên : **HOÀNG NGỌC T**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1997 tại thành phố H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 5 ngõ 11 V, phường B, quận H, thành phố H; Chỗ ở hiện nay: số 5, ngõ 11 V, phường B, quận H, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoàng Ngọc L và bà Phạm Thị L; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2019 đến ngày 02/9/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

2. Họ và tên : **DƯƠNG XUÂN Đ**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1982 tại thành phố H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 142 ngõ 107 L, phường V, quận H, thành phố H; Chỗ ở hiện nay: số 142 ngõ 107 L, phường V, quận H, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Dương Xuân N và bà Dương Thị L; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2019 đến ngày 02/9/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

3. Họ và tên : **PHẠM VIỆT H**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1996 tại thành phố H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 56 ngõ Đ, phường Ô, quận Đ, thành phố H; Chỗ ở hiện nay: số 56 ngõ Đông Các, phường Ô, quận Đ, thành phố H; Quốc tịch:

Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Phạm Viết H và bà Nguyễn Thị Thanh L; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2019 đến ngày 02/9/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

(các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan:

1. Ông Tạ Ngọc T, sinh năm 1972, ngụ tại 84 Lô D chung cư H, đường N, Phường B, quận G, Thành phố H;
2. Ông Mã Quảng T, sinh năm 1995, ngụ tại K301 chung cư B, Phường M, quận T, Thành phố H;
3. Ông Trần Tiến C, sinh năm 1985, ngụ tại 628/56 H, Phường M, Quận S, Thành phố H;
4. Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1994, ngụ tại 145/1 đường số B, phường B, Quận H, Thành phố H;
5. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1991, ngụ tại 1/25 S, phường S, quận T, Thành phố H;
6. Ông Nguyễn Q T, sinh năm 1981, ngụ tại A401, số 318/5 T, phường H, quận T, Thành phố H;
7. Bà Phan Như Q, sinh năm 1983, ngụ tại 335 Ấp 1, xã Đ, Huyện h, Thành phố H;
8. Ông Trương Minh N, sinh năm 1993, ngụ tại 47/24/2 B, Phường H, quận B, Thành phố H;
9. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984, ngụ tại 213/32A N, Phường M, quận B, Thành phố H;
10. Bà Tạ Mai T, sinh năm 1978, ngụ tại 528 H, phường B, Quận B, Thành phố H;
11. Bà Trần Huỳnh N, sinh năm 1976, ngụ tại 16 đường số H, Phường M, Quận S, Thành phố H;
12. Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1993, ngụ tại 1834/18 H, thị trấn N, Huyện N, Thành phố H;
13. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993, ngụ tại 392/8/111 C, Phường M, Quận M, Thành phố H;
14. Ông Vũ Tuấn Q, sinh năm 1987, ngụ tại 506/19/30 đường B, Phường M, Quận M, Thành phố H;
15. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1995, ngụ tại 402/2 H, Phường N, Quận M, Thành phố H;
16. Bà Trần Thị Quỳnh A, sinh năm 1984, ngụ tại số 19 T, Phường T, quận P, Thành phố H;
17. Ông Lê Huỳnh Đức H, sinh năm 1991, ngụ tại 59/20 P, Phường 7, quận P, Thành phố H;

18. Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1977, ngụ tại C10502 V, Phường H, quận B, Thành phố H;

19. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1987, ngụ tại 417/2 T, Phường B, Quận N, Thành phố H;

20. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1992, ngụ tại 455/52 A, Phường B, Quận N, Thành phố H;

21. Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1991, ngụ tại 21/12B H, Phường B, quận T, Thành phố H;

22. Bà Trần Thị Thúy V, sinh năm 1978, ngụ tại 5/109/8M N, Phường B, quận B, Thành phố H;

23. Ông Văn Ngọc H, sinh năm 1959, ngụ tại 138 P, Phường B, quận G, Thành phố H;

24. Ông Phạm Hoàng H, sinh năm 1981, ngụ tại 403 Lô B chung cư Đ, Phường M, quận P, Thành phố H;

(những người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài Liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Ngọc T, Phạm Viết H, Dương Xuân Đ Là bạn bè, có mối quan hệ quen biết nhau tại thành phố H từ trước khi vào Thành phố H sinh sống và Làm việc.

Khoảng tháng 3/2018, Hoàng Ngọc T vào Thành phố H Lập một trang web có địa chỉ “vaytienngay247.com” và số điện thoại Liên hệ 0933312662 để hoạt động cho vay tiền Lãi suất cao. Do số lượng khách vay tiền ngày càng nhiều nên T thuê Phạm Viết H (từ tháng 08/2018) với mức tiền lương 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, Dương Xuân Đ với mức tiền lương 10.000.000 (mười triệu) đồng/tháng (từ tháng 04/2018), đồng thời bao ăn ở để phụ giúp cho T trong việc cho vay tiền Lãi suất cao tại căn hộ 1708 Lô E, chung cư P - số 53 N, phường P, quận T, Thành phố H.

Khi có khách gọi để vay tiền thì T, H, Đ sẽ nghe điện thoại, hướng dẫn hồ sơ thủ tục vay tiền, làm hồ sơ vay tiền cho khách, đồng thời đi xác minh nơi ở, nghề nghiệp, nơi Làm việc của người vay, thẩm tra tài sản của họ để làm căn cứ cho vay tiền. Sau đó, T, H, Đ Lập hồ sơ cho vay dưới hình thức đưa tiền cho người vay để mua hộ xe máy, thực tế không có việc mua bán xe nào. Người vay phải đưa sổ hộ khẩu (bản chính), giấy kết hôn (bản chính), chứng minh nhân dân (bản chính) hoặc hộ chiếu (bản chính) ... cho nhóm của T để đảm bảo. Nếu khách quen (do đã vay nhiều Lần) có thể thay bằng bản sao y giấy tờ trên. Khi khách vay tiền thì T, H, Đ sẽ thu trước 5 ngày đóng tiền và tiền phí dịch vụ của khách từ 5% - 10% trên tổng số tiền vay. Khi cho vay tiền thì T sẽ ghi chép vào 1 cuốn sổ (dạng tập học sinh) thông tin của khách vay, số tiền vay, ngày vay, phí hồ sơ, tiền góp hàng ngày, số ngày góp và ghi chép vào sổ theo dõi (khi khách vay trả tiền góp hàng ngày thì T sẽ đánh dấu vào). Khách hàng thường đóng tiền góp hàng ngày bằng cách chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng của T tại

Ngân hàng thương mại cổ phần N (số tài khoản V: 0011004294714) hoặc Ngân hàng thương mại cổ phần A (số tài khoản A Là 564197 và 7491577); tài khoản ngân hàng của Đ tại Ngân hàng thương mại cổ phần S (số tài khoản S 060151602080); hoặc T, H, Đ trực tiếp đến gặp khách để thu tiền. Sau khi chốt doanh thu năm 2018 Là tổng số tiền thu lợi bất chính thì T chia cho Đ 10% của tổng doanh thu là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và chia cho H 5% của tổng doanh thu là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Quá trình kiểm tra đối chiếu hồ sơ vay tiền, sổ sách lưu trữ, lời khai của người vay tiền, Lời khai của T, H, Đ. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố H xác định những trường hợp khách vay tiền cụ thể như sau:

1. Tạ Ngọc T, sinh năm 1972, ngụ tại 84 Lô D chung cư H, đường N, Phường B, quận G, Thành phố H:

+ Ngày 10/06/2019, T vay T 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng, số tiền góp là 1.400.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 70.000.000 đồng). T đã trả 70.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 138.900 đồng, T thu lợi bất chính 19.861.100 đồng;

2. Mã Quảng T, sinh năm 1995, ngụ tại K301 chung cư B, Phường M, quận T, Thành phố H:

+ Ngày 06/6/2019, T vay T 15.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 1.500.000 đồng, số tiền góp là 420.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 21.000.000 đồng). T đã trả 21.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 41.700 đồng, T thu lợi bất chính 5.958.300 đồng;

+ Ngày 05/7/2019 vay T 10.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 1.000.000 đồng, số tiền góp 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). T đã trả 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, T thu lợi bất chính 3.972.200 đồng.

3. Trần Tiến C, sinh năm 1985, ngụ tại 628/56 H, Phường M, Quận S, Thành phố H:

+ Ngày 25/3/2019, C vay T 15.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 750.000 đồng, số tiền góp 630.000 đồng/ngày (phải góp 30 ngày = 18.900.000 đồng). C đã trả 18.900.000 đồng, lãi suất 26%, thu lợi theo lãi suất cho phép 25.000 đồng, T thu lợi bất chính 3.875.000 đồng.

+ Ngày 06/5/2019 C vay T 15.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 750.000 đồng, số tiền góp 630.000 đồng/ngày (phải góp 30 ngày = 18.900.000 đồng). C đã trả 18.900.000 đồng, lãi suất 26%, thu lợi theo lãi suất cho phép 25.000 đồng, T thu lợi bất chính 3.875.000 đồng.

+ Ngày 12/6/2019 C vay T 15.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 750.000 đồng, số tiền góp 630.000 đồng/ngày (phải góp 30 ngày =

18.900.000 đồng). C đã trả 18.900.000 đồng, lãi suất 26%, thu lợi theo lãi suất cho phép 25.000 đồng, T thu lợi bất chính 3.875.000 đồng.

+ Ngày 15/7/2019 C vay T 15.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp 630.000 đồng/ngày (phải góp 30 ngày = 18.900.000 đồng). C đã trả 18.900.000 đồng, lãi suất 26%, thu lợi theo lãi suất cho phép 25.000 đồng, T thu lợi bất chính 3.875.000 đồng.

+ Ngày 09/8/2019 C tiếp tục vay T 15.000.000 đồng tiền góp với Lãi suất 26%, H làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp 630.000 đồng/ngày (phải góp 30 ngày = 18.900.000 đồng). C đã đóng 3 ngày là 1.890.000 đồng (chưa đóng xong);

4. Trần Ngọc C, sinh năm 1994, ngụ tại 145/1 đường số B, phường B, Quận H, Thành phố H:

+ Ngày 10/8/2019, C vay T 30.000.000 đồng tiền đứng, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 3.000.000 đồng, số tiền lãi góp 1 ngày là 450.000 đồng (khi nào có tiền gốc thì trả). C đã đóng 10 ngày là 4.500.000 đồng (chưa đóng xong), Lãi suất 45%;

5. Đỗ Thị N, sinh năm 1991, ngụ tại 1/25 S, phường S, quận T, Thành phố H:

+ Ngày 05/8/2019, N vay T 10.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 1.000.000 đồng, số tiền góp là 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). N đã góp 25 ngày = 7.000.000 đồng (chưa đóng xong), lãi suất 24%;

6. Nguyễn Q T, sinh năm 1981, ngụ tại A401, số 318/5 T, phường H, quận T, Thành phố H:

+ Ngày 14/8/2019, T vay T 40.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 4.000.000 đồng, số tiền góp là 1.120.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 56.000.000 đồng). T đã góp 20 ngày = 22.400.000 đồng (chưa đóng xong), Lãi suất 30%;

7. Phan Như Q, sinh năm T, ngụ tại 335 Ấp M, xã Đ, Huyện h, Thành phố H:

+ Ngày 08/8/2019, Q vay T 50.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 5.000.000 đồng, số tiền góp là 1.400.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 70.000.000 đồng). Q đã góp 15 ngày = 21.000.000 đồng (chưa đóng xong), Lãi suất 24%;

8. Trương Minh N, sinh năm 1993, ngụ tại 47/24/2 B, Phường H, quận B, Thành phố H:

+ Ngày 05/01/2019, N vay T 10.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 1.000.000 đồng, số tiền góp 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). N đã trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, T thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

+ Ngày 21/02/2019, N vay T 10.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). N đã trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, T thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

+ Ngày 09/5/2019 vay T 10.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). N trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, T thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

+ Ngày 17/6/2019 vay T 10.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). N đã trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, T thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

+ Ngày 22/7/2019 vay T 10.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 500.000 đồng, số tiền góp 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). N đã trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, T thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

9. Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984, ngụ tại 213/32A N, Phường M, quận B, Thành phố H:

+ Ngày 03/4/2019, T vay T 10.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 1.000.000 đồng, số tiền góp 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). T đã trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, T thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

+ Ngày 11/5/2019, T vay T 10.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 500.000 đồng, số tiền góp 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). T đã trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, T thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

+ Ngày 14/6/2019, T vay T 10.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 500.000 đồng, số tiền góp 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). T đã trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, T thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

+ Ngày 15/7/2019, T vay T 10.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 300.000 đồng, số tiền góp là 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). T đã góp 35 ngày = 9.800.000 đồng (chưa đóng xong), Lãi suất 24%;

10. Tạ Mai T, sinh năm 1978, ngụ tại 528 H, phường B, Quận B, Thành phố H:

+ Ngày 19/4/2019, T vay T 30.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 3.000.000 đồng, số tiền góp là 1.200.000 đồng/ngày (phải góp 30 ngày = 36.000.000 đồng). T đã trả đủ 36.000.000 đồng, lãi suất 20%, thu lợi theo lãi suất cho phép 50.000 đồng, T thu lợi bất chính 5.950.000 đồng;

11. Trần Huỳnh N, sinh năm 1976, ngụ tại 16 đường số H, Phường M, Quận S, Thành phố H:

+ Ngày 03/8/2019, N vay T 300.000.000 đồng tiền đứng, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 18.000.000 đồng, số tiền lãi góp mỗi ngày là 4.500.000 đồng (khi nào có tiền vay ban đầu thì trả). N đã đóng lãi 20 ngày = 90.000.000 đồng (chưa trả tiền vay ban đầu), Lãi suất 45%;

12. Lê Tuấn A, sinh năm 1993, ngụ tại 1834/18 H, thị trấn N, Huyện N, Thành phố H:

+ Ngày 13/11/2018, A vay T 35.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, Lấy tiền phí hồ sơ 3.500.000 đồng, số tiền góp là 980.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 49.000.000 đồng). A đã trả đủ 49.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 97.200 đồng, T thu lợi bất chính 13.902.800 đồng;

+ Ngày 12/01/2019, A vay T 10.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, Lấy tiền phí hồ sơ 500.000 đồng, số tiền góp là 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). A đã trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, T thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

13. Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993, ngụ tại 392/8/111 C, Phường M, Quận M, Thành phố H:

+ Ngày 22/6/2019, T vay T 15.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 1.500.000 đồng, số tiền góp là 420.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 21.000.000 đồng). T đã trả đủ 21.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 41.700 đồng, T thu lợi bất chính 5.958.300 đồng;

+ Ngày 26/7/2019, T vay T 15.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 1.500.000 đồng, số tiền góp là 420.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 21.000.000 đồng). T đã trả 8.400.000 đồng, lãi suất 24% (chưa trả xong);

14. Vũ Tuấn Q, sinh năm 1987, ngụ tại 506/19/30 đường B, Phường M, Quận M, Thành phố H:

+ Ngày 12/02/2019, Q vay T 90.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 2.520.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 126.000.000 đồng). Q đã trả đủ 126.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 250.000 đồng, T thu lợi bất chính 35.750.000 đồng;

+ Ngày 19/3/2019, Q vay T 60.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 1.680.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 84.000.000 đồng). Q đã trả đủ 84.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 167.000 đồng, T thu lợi bất chính 23.833.000 đồng;

+ Ngày 19/4/2019, Q vay T 60.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 1.680.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 84.000.000 đồng). Q đã trả đủ 84.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 167.000 đồng, T thu lợi bất chính 23.833.000 đồng;

+ Ngày 13/5/2019, Q vay T 10.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). Q đã trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, T thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

+ Ngày 02/7/2019, Q vay T 60.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 1.680.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày =

84.000.000 đồng). Q đã trả đủ 84.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 167.000 đồng, thu lợi bất chính 23.833.000 đồng;

+ Ngày 08/8/2019, Q vay T 300.000.000 đồng tiền đứng, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp mỗi ngày là 4.500.000 đồng (khi nào có tiền vay thì trả). Q đã trả tiền lãi trong 5 ngày kèm tiền vay ban đầu tổng cộng là 322.500.000 đồng, lãi suất 45%, thu lợi theo lãi suất cho phép 8.300 đồng, T thu lợi bất chính 22.491.700 đồng;

15. Nguyễn Minh T, sinh năm 1995, ngụ tại 402/2 H, Phường N, Quận M, Thành phố H:

+ Ngày 28/5/2019, T vay T 70.000.000 đồng tiền đứng, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 4.900.000 đồng, số tiền lãi phải góp mỗi ngày là 1.050.000 đồng (khi nào có tiền vay thì trả). T đã trả tiền lãi 10 ngày kèm tiền vay ban đầu tổng cộng là 80.500.000 đồng, lãi suất 45%, thu lợi theo lãi suất cho phép 38.900 đồng, T thu lợi bất chính 10.461.100 đồng.

+ Ngày 20/6/2019, T vay T 45.000.000 đồng tiền đứng, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 2.250.000 đồng, số tiền lãi phải góp mỗi ngày là 675.000 đồng (khi nào có tiền vay thì trả), số tiền lãi đã trả trong 10 ngày kèm tiền vay ban đầu 51.750.000 đồng, lãi suất 45%, thu lợi theo lãi suất cho phép 25.000 đồng, thu lợi bất chính 6.725.000 đồng;

+ Ngày 26/7/2019, T vay T 60.000.000 đồng tiền đứng, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 3.000.000 đồng, số tiền lãi phải góp mỗi ngày là 900.000 đồng (khi nào có tiền vay thì trả), số tiền lãi đã trả trong 10 ngày kèm tiền vay ban đầu Là 69.000.000 đồng, lãi suất 45%, thu lợi theo lãi suất cho phép 33.300 đồng, thu lợi bất chính 8.966.700 đồng;

+ Ngày 20/8/2019, T vay T 80.000.000 đồng tiền đứng, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 4.000.000 đồng, số tiền lãi phải góp mỗi ngày là 1.200.000 đồng (khi nào có gốc thì trả), số tiền lãi đã trả trong 10 ngày là 12.000.000 đồng (chưa trả tiền vay ban đầu), lãi suất 45%.

Commented [WU1]:

16. Trần Thị Quỳnh A, sinh năm 1984, ngụ tại số 19 T, Phường T, quận P, Thành phố H:

+ Ngày 27/07/2019, A vay T 20.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 2.000.000 đồng, số tiền góp là 560.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 28.000.000 đồng). A đã trả số tiền 11.200.000 đồng (chưa trả xong), lãi suất 24%;

17. Lê Huỳnh Đức H, sinh năm 1991, ngụ tại 59/20 P, Phường B, quận P, Thành phố H;

+ Ngày 26/3/2019, H vay T 5.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 500.000 đồng, số tiền góp là 150.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 7.500.000 đồng). H đã trả đủ 7.500.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 13.900 đồng, T thu lợi bất chính 2.486.100 đồng;

+ Ngày 11/5/2019, H vay T 5.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 500.000 đồng, số tiền góp là 150.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 7.500.000 đồng). H đã trả đủ 7.500.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 13.900 đồng, T thu lợi bất chính 2.486.100 đồng;

+ Ngày 19/6/2019 vay T 5.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 250.000 đồng, số tiền góp là 150.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 7.500.000 đồng). H đã trả đủ 7.500.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 13.900 đồng, T thu lợi bất chính 2.486.100 đồng;

+ Ngày 10/8/2019 vay T 5.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ 250.000 đồng, số tiền góp là 150.000 đồng (phải trả 50 ngày = 7.500.000 đồng). H đã trả 2.250.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 13.900 đồng, thu lợi bất chính 2.486.100 đồng;

18. Nguyễn Đức L, sinh năm 1977, ngụ tại C10502 V, Phường H, quận B, Thành phố H;

+ Ngày 24/6/2019, L vay T 150.000.000 đồng, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 10.500.000 đồng, số tiền góp là 4.200.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 210.000.000 đồng). L đã trả đủ 210.000.000 đồng, lãi suất 24%. T thu lợi theo lãi suất cho phép 166.700 đồng, thu lợi bất chính 59.833.300 đồng;

19. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1987, ngụ tại 417/2 T, Phường B, Quận N, Thành phố H:

+ Ngày 06/6/2019, T vay T 35.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 3.500.000 đồng, số tiền góp là 980.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 49.000.000 đồng). T đã trả đủ 49.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 97.200 đồng, thu lợi bất chính 13.902.800 đồng;

+ Ngày 19/7/2019, Thảo vay T 40.000.000 đồng tiền góp, Đ làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 1.120.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 56.000.000 đồng). T đã trả đủ 56.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 111.100 đồng, thu lợi bất chính 15.888.900 đồng;

20. Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1992, ngụ tại 455/52 A, Phường B, Quận N, Thành phố H:

+ Ngày 18/3/2019, T vay T 10.000.000 đồng, H làm hợp đồng vay, tiền phí hồ sơ là 1.000.000 đồng, số tiền góp là 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). Đ đã trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

21. Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1991, ngụ tại 21/12B H, Phường B, quận T, Thành phố H:

+ Ngày 13/11/2018, P vay T 10.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). P đã trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

+ Ngày 29/11/2018, P vay T 20.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 560.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 28.000.000 đồng). P đã trả đủ 28.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 55.600 đồng, thu lợi bất chính 7.944.400 đồng;

+ Ngày 24/12/2018, P vay T 20.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 560.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 28.000.000 đồng). P đã trả đủ 28.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 55.600 đồng, thu lợi bất chính 7.944.400 đồng;

+ Ngày 07/01/2019, P vay T 15.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 420.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 21.000.000 đồng). P đã trả đủ 21.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 41.700 đồng, thu lợi bất chính 5.958.300 đồng;

+ Ngày 12/02/2019, P vay T 20.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 560.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 28.000.000 đồng). P đã trả đủ 28.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 55.600 đồng, thu lợi bất chính 7.944.400 đồng;

+ Ngày 16/3/2019, P vay T 10.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, lấy tiền phí hồ sơ là 500.000 đồng, số tiền góp là 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). P đã trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

+ Ngày 25/3/2019, P vay T 15.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 420.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 21.000.000 đồng). P đã trả đủ 21.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 41.700 đồng, thu lợi bất chính 5.958.300 đồng;

+ Ngày 21/4/2019, P vay T 10.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 280.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 14.000.000 đồng). P đã trả đủ 14.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 27.800 đồng, thu lợi bất chính 3.972.200 đồng;

+ Ngày 03/5/2019 vay T 15.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 420.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 21.000.000 đồng). P đã trả đủ 21.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 41.700 đồng, thu lợi bất chính 5.958.300 đồng;

+ Ngày 23/5/2018 vay T 20.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp 1 ngày 560.000 đồng/50 ngày, số tiền đã trả 28.000.000 đồng, lãi suất 24%, thu lợi theo lãi suất cho phép 55.600 đồng, thu lợi bất chính 7.944.400 đồng.

+ Ngày 25/6/2019 vay T 15.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, lấy tiền phí hồ sơ là 750.000 đồng, số tiền góp là 420.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 21.000.000 đồng). P đã trả đủ 21.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 41.700 đồng, thu lợi bất chính 5.958.300 đồng;

+ Ngày 05/7/2019 vay T 15.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, lấy tiền phí hồ sơ là 750.000 đồng, số tiền góp là 420.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 21.000.000 đồng). P đã trả đủ 21.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 41.700 đồng, thu lợi bất chính 5.958.300 đồng;

+ Ngày 16/8/2019 vay T 15.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, lấy tiền phí hồ sơ là 750.000 đồng, số tiền góp là 420.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 21.000.000 đồng). P đã trả 2.100.000 đồng (chưa trả xong), Lãi suất 24%;

22. Trần Thị Thúy V, sinh năm 1978, ngụ tại 5/109/8M Nơ Trang L, Phường B, quận B, Thành phố H:

+ Ngày 19/8/2019, V vay T 20.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, lấy tiền phí hồ sơ là 2.000.000 đồng, số tiền góp là 420.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 21.000.000 đồng). V đã trả 2.100.000 đồng (chưa trả xong), lãi suất 24%.

23. Văn Ngọc H, sinh năm 1959, ngụ tại 138 P, Phường B, quận G, Thành phố H:

+ Ngày 18/02/2019, Ngọc H vay T 15.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, lấy phí hồ sơ 1.500.000 đồng, số tiền góp là 420.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 21.000.000 đồng). H đã trả đủ 21.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 41.700 đồng, thu lợi bất chính 5.958.300 đồng;

+ Ngày 14/3/2019, Ngọc H vay T 20.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 560.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 28.000.000 đồng). Ngọc H đã trả đủ 28.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 55.600 đồng, thu lợi bất chính 7.944.400 đồng;

+ Ngày 17/4/2019, Ngọc H vay T 20.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, Lấy phí hồ sơ là 1.000.000 đồng, số tiền góp là 560.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 28.000.000 đồng). Ngọc H đã trả đủ 28.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 55.600 đồng, thu lợi bất chính 7.944.400 đồng;

+ Ngày 08/6/2019, Ngọc H vay T 25.000.000 đồng tiền góp, H làm hợp đồng vay, Lấy phí hồ sơ là 1.250.000 đồng, số tiền góp 700.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 35.000.000 đồng). Ngọc H đã trả đủ 35.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 69.400 đồng, thu lợi bất chính 9.930.600 đồng;

+ Ngày 01/7/2019, Ngọc H vay T 30.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 840.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 42.000.000 đồng). Ngọc H đã trả đủ 42.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 83.300 đồng, thu lợi bất chính 11.916.700 đồng;

+ Ngày 03/8/2019, Ngọc H vay T 30.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 840.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 42.000.000 đồng). Ngọc H đã trả 28.560.000 đồng (chưa đóng xong), Lãi suất 24%;

24. Phạm Hoàng H, sinh năm 1981, ngụ tại 403 Lô B chung cư Đ, Phường M, quận P, Thành phố H:

+ Ngày 19/11/2018, H vay T 40.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 1.120.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 56.000.000 đồng). H đã trả đủ 56.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 111.100 đồng, thu lợi bất chính 15.888.900 đồng;

+ Ngày 31/12/2018, H vay T 50.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 1.400.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 70.000.000 đồng). H đã trả đủ 70.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 138.900 đồng, thu lợi bất chính 19.861.100 đồng;

+ Ngày 14/02/2019, H vay T 60.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 1.680.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 84.000.000 đồng). H đã trả đủ 84.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 166.700 đồng, thu lợi bất chính 23.833.300 đồng;

+ Ngày 02/4/2019, H vay T 40.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, 1.120.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 56.000.000 đồng). H đã trả đủ 56.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 111.100 đồng, thu lợi bất chính 15.888.900 đồng;

+ Ngày 17/5/2019, H vay T 60.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 1.680.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 84.000.000 đồng). H đã trả đủ 84.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 166.700 đồng, thu lợi bất chính 23.833.300 đồng;

+ Ngày 28/6/2019, H vay T 70.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 1.960.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 98.000.000 đồng). H đã trả đủ 98.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 194.400 đồng, thu lợi bất chính 27.805.600 đồng;

+ Ngày 02/8/2019, H vay T 70.000.000 đồng tiền góp, T làm hợp đồng vay, không lấy tiền phí hồ sơ, số tiền góp là 1.960.000 đồng/ngày (phải góp 50 ngày = 98.000.000 đồng). H đã trả đủ 98.000.000 đồng, lãi suất 24%, T thu lợi theo lãi suất cho phép 194.400 đồng, thu lợi bất chính 27.805.600 đồng;

* Tổng số tiền thu lợi bất chính của Hoàng Ngọc T, Phạm Viết H, Dương Xuân Đ từ những khách vay đã trả xong Là: 642.356.600 đồng (sáu trăm bốn mươi hai triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

Ngoài ra, bị can H còn được hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng với số tiền là 110.000.000 đồng (trong đó lương 12 tháng là 60.000.000 đồng + 50.000.000 đồng (tiền doanh thu cho vay lãi nặng). Bị can Đ được hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng với số tiền 270.000.000 đồng (trong đó lương 17 tháng là 170.000.000 đồng + 100.000.000 đồng (tiền doanh thu cho vay lãi nặng).

Quá trình điều tra, Hoàng Ngọc T, Phạm Viết H, Dương Xuân Đ đã thừa nhận Hành vi phạm tội như trên.

*** Vật chứng:**

- 66 bộ hồ sơ cho khách vay tiền (kèm theo hồ sơ vụ án);

- 01 sổ dạng tập học sinh có chữ “VIBOOK” ghi chép ngày vay, thông tin khách vay, số tiền vay, số ngày góp, lãi thu được (kèm theo hồ sơ vụ án);

- 03 sổ dạng sổ chia ô đánh dấu, khi khách vay đóng tiền góp hàng ngày sẽ đánh dấu vào (kèm theo hồ sơ vụ án);

- *Thu giữ của Hoàng Ngọc T:*

+ Một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng có số imei: 353044092943241.

Bị cáo T sử dụng để liên lạc với khách vay hoạt động cho vay tiền;

+ Một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng có số Imei: 356955064721784.

Bị cáo T sử dụng để liên lạc với khách vay hoạt động cho vay tiền;

+ Một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng có số imei: 358693056581945.

Bị cáo T sử dụng để liên lạc với khách vay hoạt động cho vay tiền;

+ Một (01) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số imei: 357291083379564.

Bị cáo T sử dụng để liên lạc với khách vay hoạt động cho vay tiền;

+ Sáu (06) thẻ ngân hàng: T số 4221493677987852, V số 4283100002931002, MB số 9704222013766670, S số 97040378, S số 9704036455755011, A số 9704162420086579. Bị cáo T sử dụng để hoạt động cho vay tiền (chênh khoản);

+ Một (01) thẻ M số 5391460022374427 (thẻ tiêu dùng sử dụng tiền thu lợi bất chính có được trong hoạt động cho vay);

+ Một (01) xe Honda Airbloriade màu trắng - đỏ, biển số 63B6-009.83 có số khung RLQIHJF2702BY720098, số máy JF27E0700050. Các bị cáo T, H, Đ sử dụng để đi đến nhà các khách vay để xác minh, làm hồ sơ. Qua xác minh được biết xe gắn máy trên do anh Cao Khánh T thường trú số A9/13A ấp M, xã Q, Huyện B đứng tên sở hữu. Qua làm việc, anh T trình bày xe máy trên đã bán lại cho Hoàng Ngọc T vào tháng 02/2018, không có yêu cầu gì về xe máy trên;

+ Một (01) xe máy Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển số 50Y1-188.47, số khung RLQICS5C640-AY349982, số máy 5C64-349981. Các bị cáo T, H, Đ sử dụng để đi đến nhà các khách vay để xác minh, làm hồ sơ. Qua xác minh được biết chiếc xe trên do anh Đặng Trường H thường trú số 5-1C H, xã B, huyện H đứng tên sở hữu. Qua làm việc, anh H cho biết đã bán lại xe máy trên cho Hoàng Ngọc T vào tháng 03/2018, không có yêu cầu gì về xe máy trên;

- Thu giữ của Phạm Viêt H: Một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc, số imei 353799084885086. Bị cáo H sử dụng để liên lạc với khách vay hoạt động cho vay tiền;

- Thu giữ của Dương Xuân Đ: Một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, số imei 359321061103070 và một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng, số imei 353308075138362, bị cáo khai sử dụng để liên lạc hoạt động cho vay tiền;

Tất cả các vật chứng trên đang nhập kho theo phiếu nhập kho số 236/PNK ngày 06 tháng 09 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố H.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Ngọc T, Phạm Viết H và Dương Xuân Đ đã thừa nhận Hành vi phạm tội và khai nhận như bản cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 22/CT-VKSQTP ngày 16 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H đã truy tố các bị cáo Hoàng Ngọc T, Phạm Viết H và Dương Xuân Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 2 Điều 201 Bộ Luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H giữ quyền công tố Luận tội và tranh Luận:

Căn cứ Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cũng như xem xét các tài Liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Hoàng Ngọc T, Phạm Viết H và Dương Xuân Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 2 Điều 201 Bộ Luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc T mức án tù 07 (bảy) tháng đến 10 (mười) tháng tù, bị cáo Phạm Viết H mức án tù 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, bị cáo Dương Xuân Đ mức án tù 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vật chứng như sau:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: ba (03) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng có các số imei Là: 353044092943241, 356955064721784, 358693056581945; một (01) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số imei: 357291083379564; một (01) xe Honda Airbloriade màu trắng-đỏ biển số 63B6-009.83 có số khung RLQIHJF2702BY720098, số máy JF27E0700050; một (01) xe máy Yamaha Sirius màu đỏ-đen biển số 50Y1-188.47, số khung RLQICS5C640-AY349982, số máy 5C64-349981; một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc, số imei 353799084885086; một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng có số imei 359321061103070 và một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng có số imei 353308075138362 do đây Là các công cụ mà các bị cáo T, Định, H sử dụng vào việc phạm tội;

Tịch thu tiêu hủy sáu (06) thẻ ngân hàng: T số 4221493677987852, V số 4283100002931002, MB số 9704222013766670, S số 97040378, S số 9704036455755011, A số 9704162420086579 và một (01) thẻ M số 5391460022374427 do đây là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng;

+ Buộc bị can H nộp Lại số tiền là 110.000.000 đồng, bị can Định nộp Lại số tiền 270.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước do đây Là số tiền các bị cáo H và Định được hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng;

+ Tịch thu của bị cáo T tổng số tiền 2052.143.400 đồng để nộp ngân sách Nhà nước (trong đó 2.000.000.000 đồng là khoản tiền gốc cho vay; 48.150.000 đồng là tiền thu phí hồ sơ và 3.993.400 đồng là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (khoản tiền phát sinh từ phạm tội mà có);

* Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Hoàng Ngọc T trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: ông Tạ Ngọc T số tiền 19.861.100 đồng; ông Mã Quảng T số tiền 9.930.500 đồng; ông Trần Tiến C số tiền 15.500.000 đồng; ông Trương Minh N số tiền 19.861.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 11.916.600 đồng; bà Tạ Mai T số tiền 5.950.000 đồng; ông Lê Tuấn A số tiền 17.875.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 5.958.300 đồng; ông Vũ Tuấn Q số tiền 133.712.900 đồng; bà Nguyễn Minh T số tiền 26.152.800 đồng; ông Lê Huỳnh Đức H số tiền 9.944.400 đồng; ông Nguyễn Đức L số tiền 59.833.300 đồng; bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 29.791.700 đồng; ông Nguyễn Tấn Đ số tiền 3.972.200 đồng; bà Nguyễn Ngọc P số tiền 73.485.700 đồng; ông Văn Ngọc H số tiền 43.694.400 đồng; ông Phạm Hoàng H số tiền 154.916.700 đồng do đây Là khoản tiền mà bị cáo Hoàng Ngọc T thu lợi bất chính từ những người vay tiền;

Các bị cáo Hoàng Ngọc T, Phạm Viết H và Dương Xuân Đ nói Lời sau cùng: Các bị cáo hối hận về việc Làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo một mức án nhẹ để có cơ hội sửa sai và Làm Lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài Liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh Luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T, Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Là phù hợp với Bản kết Luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan, người Làm chứng, cùng tang vật, các tài Liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết Luận trong thời gian từ tháng 3/2018 đến ngày 23/8/2019 tại căn hộ 1708 Lô E, chung cư P, số 53 N, phường P, quận T, Hoàng Ngọc T, Phạm Viết H, Dương Xuân Đ đã có Hành vi cho 24 người vay tiền với mức lãi xuất từ 20%/tháng đến 45%/tháng (cao gấp 14,4 Lần đến 26,9 Lần so với mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép là 20%/năm). Trong 24 người vay tiền của Hoàng Ngọc T, Phạm Viết H, Dương Xuân Đ thì có 17 người vay (đã trả tiền gốc và tiền lãi đầy đủ) gồm Tạ Ngọc T, Trần Tiến C, Mã Quảng T, Trương Minh N, Nguyễn Thị Thanh T, Tạ Mai T, Lê Tuấn A, Nguyễn Thị Thanh T, Vũ Tuấn Q, Nguyễn Minh T, Lê Huỳnh Đức H, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Ngọc P, Văn Ngọc H, Phạm Hoàng H với tổng số tiền 2.000.000.000 đồng. Như vậy, Hoàng Ngọc T, Dương Xuân Đ, Phạm Viết H đã thu lợi bất chính với số tiền là 642.356.600 (sáu trăm bốn mươi hai triệu ba trăm năm mươi

sáu ngàn sáu trăm) đồng; Ngoài ra, bị can H còn được hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng với số tiền là 110.000.000 đồng, bị can Định được hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng với số tiền 270.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ Luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản Lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp Luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn mang tính chất bóc lột Làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng thậm chí phải bán tài sản để trả nợ, ngoài ra hành vi phạm tội của các bị cáo còn có khả năng làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự cũng như sức khỏe của những người vay tiền và gia đình của họ. Mặc dù bản thân các bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp Luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nh do mục đích thu lợi bất chính, do tư lợi cá nhân mà các bị cáo xem thường pháp Luật, bản thân các bị cáo đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực pháp Luật thay vì phải biết sống đặt mình vào khuôn khổ của pháp Luật nh các bị cáo Lại chọn việc vi phạm pháp Luật, đây là Lỗi cố ý trong ý thức phạm tội của các bị cáo. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Thiết nghĩ cần có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, răn đe các bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng căn cứ vào Điều 58 Bộ Luật hình sự năm 2015 để xem xét vai trò phạm tội của từng bị cáo trong vụ án nhằm đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể:

- Đối với bị cáo Hoàng Ngọc T: Vai trò của bị cáo trong vụ án này là đầu vụ, bị cáo là người trực tiếp cho vay và quy định mức lãi suất vượt quy định, đã thu lợi trong một khoảng thời gian khá dài, cơ quan điều tra đã chứng minh và bị cáo cũng thừa nhận số tiền thu lợi bất chính 642.356.600 (sáu trăm bốn mươi hai triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm) đồng sau đó đã bị phát hiện và truy tố. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt dành cho bị cáo sẽ nghiêm khắc hơn các bị cáo khác để thể hiện được sự nghiêm minh của pháp Luật.

- Đối với các bị cáo Phạm Viết H và Dương Xuân Đ: Các bị cáo Là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo T trong việc cho vay và thu Lãi của các bị hại, tuy nhiên vai trò của bị cáo trong vụ án này Là người Làm công, được T trả tiền hàng tháng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt dành cho các bị cáo sẽ có phần nhẹ hơn bị cáo T;

Đây Là vụ án có đồng phạm tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự phân công rõ ràng, cùng thực hiện Hành vi Liên lạc với khách và Lập hồ sơ cho vay như nhau, đồng phạm mang tính giản đơn nên không thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức”;

Từ những phân tích về vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo trên cơ sở xem xét các căn cứ về khung hình phạt và dựa vào việc áp dụng các tình tiết

giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Là hoàn toàn phù hợp, thỏa đáng với toàn bộ diễn biến Hành vi các bị cáo đã thực hiện;

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Trong thời gian từ tháng 3/2018 đến ngày 23/8/2019 các bị cáo cho 24 người vay với Lãi suất cao gấp 14,4 Lần đến 26,9 Lần so với mức lãi suất cao nhất mà pháp Luật cho phép là 20%/năm, thu lợi bất chính tổng cộng từ các khoản vay Là 642.356.600 (sáu trăm bốn mươi hai triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm) đồng do đó các bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 Lần trở Lên” quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và trước phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội Lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan vắng mặt tuy nhiên trong quá trình điều tra những người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan không có bất cứ yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không có gì phải giải quyết;

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định tổng số tiền người vay đã trả cho bị cáo Hoàng Ngọc T Là 2.052.143.400 đồng (trong đó 2.000.000.000 đồng là khoản tiền gốc cho vay; 48.150.000 đồng là tiền thu phí hồ sơ và 3.993.400 đồng là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (khoản tiền phát sinh từ phạm tội mà có), Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng được xác định Là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước;

Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm Là 3.993.400 đồng và số tiền thu phí hồ sơ là 48.150.000 đồng tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nh đây cũng Là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần tịch thu sung ngân sách nhà nước;

Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo T thu được từ việc cho vay lãi nặng, theo quy định tại Đoạn 2 Khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự thì: “Trường hợp Lãi suất theo thỏa thuận vượt quá Lãi suất giới hạn được quy định 18 tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu Lực”. Do đó, khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm Là khoản tiền T thu lợi bất chính của những người vay. Toàn bộ người vay đều khai nhận mục đích vay tiền của T để sử dụng vào việc đầu tư kinh doanh, Lợi nhuận trang trại, khám chữa bệnh, chi trả tiền nợ và chi tiêu sinh hoạt cá nhân, ngoài ra không sử dụng tiền vay vào mục đích vi phạm pháp Luật nên buộc bị cáo phải trả Lại số tiền đã thu cho toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quan. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quan chưa trả tiền gốc cho bị cáo T buộc

những người này phải nộp số tiền nợ gốc đã vay chưa trả (sau khi trừ số tiền đã trả vào nợ gốc đã vay) để sung vào Ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền mà các bị cáo H và Đ hưởng lợi từ việc phạm tội (bị cáo H hưởng lợi 110.000.000 đồng, bị cáo Đ hưởng lợi 270.000.000 đồng), Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc các bị cáo nộp Lại để nộp ngân sách Nhà nước do đây Là số tiền các bị cáo H và Đ được hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng;

Đối với các hồ sơ vay tên Nguyễn Công Trường T; Quách Sách H; Mai Hoàng Diễm T; Nguyễn Xuân T; Nguyễn Anh Q; Vũ Đức T; Phạm Băng T; Liêu Cẩm H; Phan Công Đ; Nguyễn Thanh H; Nông Thị Bích T; Nguyễn Bá P; Ngô Ngọc Tuyết L; Đặng Thành C; Nguyễn Thị Thanh H; Nguyễn Hoài H; Nguyễn Thị Thanh H; Đặng Q K; Phùng Kim T; Bùi Thị T; Nguyễn Tuấn A; Phạm Như T; Trần Thị Thanh H; Phan Anh T; Nguyễn Hoàn H; Lê Thị Bích H; Huỳnh Mỹ L; Nguyễn Đức V; Phạm Anh K; Nguyễn Văn P; Nguyễn Thị Minh N; Nguyễn Thị Trúc N; Lê Thị Kiều H; Nguyễn Minh T; Lê Thị Ngọc S; Lê Thị T A; Trần Văn L; Lê Thị Ngọc C; Phạm Minh Q; Trần Quốc Đ; Đinh Thị Kim Y; Vũ Thanh T; Trần Thị Hồng T do các đương sự trên hiện không sinh sống tại địa phương, không rõ ở đâu nên chưa làm việc được (có biên bản xác minh kèm theo), khi nào làm việc được sẽ xử lý sau;

[6] Về xử lý vật chứng:

- Sáu (06) thẻ ngân hàng: T số 4221493677987852, V số 4283100002931002, MB số 9704222013766670, S số 97040378, S số 9704036455755011, A số 9704162420086579; 01 thẻ M số 5391460022374427. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo sử dụng những thẻ Ngân hàng này vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với một (01) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số imei 357291083379564; một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng có số Imei: 356955064721784; một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng có số imei: 358693056581945; một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng có số imei: 353044092943241; một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng có số imei 353308075138362; một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc có số imei 353799084885086; một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng có số imei 359321061103070; một (01) xe Honda Airblade màu trắng - đồ biển số: 63B6-009.83 có số khung RLHJF2702BY720098, số máy JF27E0700050; một (01) xe gắn máy Yamaha Sirius màu đỏ - đen biển số 50Y1-188.47, có số khung RLCS5C640-AY349982, số máy 5C64-349981 Là những tài sản thu giữ của các bị cáo, các bị cáo sử dụng vào việc Liên lạc và đi thu tiền của những người vay nên tịch thu sung quỹ Nhà nước;

[7] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại Khoản 3 Điều 201 Bộ Luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung Là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và Lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, phạm tội ít nghiêm trọng, đã bị buộc nộp Lại các khoản thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung Là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp Luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Ngọc T, Phạm Viết H và Dương Xuân Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

* Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Hoàng Ngọc T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp Hành án, được cản trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2019 đến ngày 02/9/2019;

* Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Phạm Viết H 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp Hành án, được cản trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2019 đến ngày 02/9/2019;

* Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Dương Xuân Đ 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp Hành án, được cản trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2019 đến ngày 02/9/2019;

Miễn khoản tiền phạt bổ sung cho các bị cáo.

* Áp dụng Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ Luật Tổ tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản Lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tịch thu tiêu hủy: Sáu (06) thẻ ngân hàng: T số 4221493677987852, V số 4283100002931002, MB số 9704222013766670, S số 97040378, S số 9704036455755011, A số 9704162420086579; 01 thẻ M số 5391460022374427;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: một (01) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số imei 357291083379564; bốn (04) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng có số Imei: 356955064721784, 358693056581945, 353044092943241, 359321061103070; một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng có số imei 353308075138362; một (01) điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc có số imei 353799084885086; một (01) xe Honda Airblade màu trắng-đỏ biển số: 63B6-009.83 có số khung RLHJF2702BY720098, số máy JF27E0700050; một (01) xe gắn máy Yamaha Sirius màu đỏ-đen biển số 50Y1-188.47, có số khung RLCS5C640-AY349982, số máy 5C64-349981;

(Tình trạng vật chứng theo Phiếu nhập kho vật chứng số 236/PNK ngày 06 tháng 09 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố H)

Buộc bị cáo Hoàng Ngọc T nộp Lại số tiền 2.052.143.400 (hai tỷ không trăm năm mươi hai triệu một trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm) đồng để sung quỹ Nhà nước;

Buộc bị cáo Dương Xuân Đ nộp Lại số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Buộc bị cáo Phạm Viết H nộp Lại số tiền 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Buộc bị cáo Hoàng Ngọc T trả Lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quan gồm: ông Tạ Ngọc T số tiền 19.861.100 đồng; ông Mã Quảng T số tiền 9.930.500 đồng; ông Trần Tiến C số tiền 15.500.000 đồng; ông Trương Minh N số tiền 19.861.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 11.916.600 đồng; bà Tạ Mai T số tiền 5.950.000 đồng; ông Lê Tuấn A số tiền 17.875.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 5.958.300 đồng; ông Vũ Tuấn Q số tiền 133.712.900 đồng; bà Nguyễn Minh T số tiền 26.152.800 đồng; ông Lê Huỳnh Đức H số tiền 9.944.400 đồng; ông Nguyễn Đức L số tiền 59.833.300 đồng; bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 29.791.700 đồng; ông Nguyễn Tấn Đ số tiền 3.972.200 đồng; bà Nguyễn Ngọc P số tiền 73.485.700 đồng; ông Văn Ngọc H số tiền 43.694.400 đồng; ông Phạm Hoàng H số tiền 154.916.700 đồng;

Kể từ ngày những người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan có đơn yêu cầu thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong, các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Buộc ông Trần Tiến C nộp Lại số tiền 13.110.000 (mười ba triệu một trăm mười ngàn) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Buộc ông Trần Ngọc C nộp Lại số tiền 25.500.000 (hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Buộc bà Đỗ Thị N nộp Lại số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Buộc bà Phan Như Q nộp Lại số tiền 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T nộp Lại số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Buộc bà Trần Huỳnh N nộp Lại số tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T nộp Lại số tiền 6.600.000 (sáu triệu sáu trăm ngàn) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Buộc bà Nguyễn Minh T nộp Lại số tiền 68.000.000 (sáu mươi tám triệu) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Buộc bà Trần Thị Quỳnh A nộp Lại số tiền 8.800.000 (tám triệu tám trăm ngàn) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Buộc bà Trần Thị Thúy V nộp Lại số tiền 17.900.000 đồng (mười bảy triệu chín trăm ngàn) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Buộc ông Văn Ngọc H nộp Lại số tiền 1.440.000 (một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Buộc bà Nguyễn Ngọc P nộp Lại số tiền 12.900.000 (mười hai triệu chín trăm ngàn) đồng để sung Ngân sách Nhà nước;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm;

Trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố H trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp Luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Công an quận T;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- TAND TP. H;
- Phòng PC27 CATP.H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Huỳnh Hoàng Phương